

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2021/DS-PT
Ngày: 30-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp Trà Cú, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền của ông Trần Văn T được Văn phòng công chứng Lê Văn Vinh chứng nhận số 6758, quyển số 4 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/11/2020 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T1, tỉnh Long An. Giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 30/11/2021 (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/11/2020 của nguyên đơn ông Trần Văn Thanh và của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/01/2017 ông Võ Ngọc L có vay của ông Trần Văn T số tiền 60.000.000đồng. Thời gian vay 01 tháng. Lãi suất thỏa thuận theo lãi suất Ngân hàng. Ông L có lấn dấu vân tay trên biên nhận tiền. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông Lợi trả nợ nhưng Lợi không T toán. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay gốc là 60.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 26/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông Võ Ngọc L phải thanh toán cho ông Trần Văn T số tiền đã vay là 60.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2017 đến ngày 26/4/2021 (50 tháng) với mức lãi suất là 0,83%/01 tháng, thành tiền lãi là 20.750.000 đồng. Tổng nợ gốc và tiền lãi là 80.750.000đồng.

Do ông Lợi là người trực tiếp vay tiền của ông T nên ông T xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Lợi trả nợ, không yêu cầu ai phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với ông Lợi.

Ý kiến của bị đơn ông Võ Ngọc L:

Ông Võ Ngọc L xác định cháu vợ của ông là ông Phạm Lê Thành Mỹ do cần tiền nên ông Mỹ mới nhờ ông đứng ra vay dùm của ông T số tiền 60.000.000đồng. Ông Lợi thừa nhận ông có vay tiền của ông T và ngày 26/01/2017, ông T đã đưa số tiền 60.000.000đồng cho ông Lợi, do ông L không biết chữ nên ông có lấn dấu vân tay của mình vào biên nhận tiền, nhưng ông Lợi không sử dụng số tiền này mà ông Mỹ mới là người cầm tiền và sử dụng số tiền này. Do đó, ông Lợi không đồng ý trả nợ như ông T yêu cầu với lý do ông chỉ vay tiền giúp ông Mỹ chứ bản thân ông Lợi hoàn toàn không sử dụng số tiền 60.000.000đồng đã vay của ông T. Ông Mỹ trước kia ở huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An còn hiện nay đang ở đâu thì ông Lợi không biết. Tại phiên tòa ông Lợi đồng ý trả cho ông T số tiền đã vay là 60.000.000đồng, đề nghị không trả tiền lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T1 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Ngọc L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền vay là 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 20.750.000đồng (hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); tổng cộng là 80.750.000đồng (tám mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Ngọc L phải chịu 4.037.500đồng (bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.265.000đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003604 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 31/5/2021 ông Võ Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông L đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay là 60.000.000đồng, đề nghị không trả tiền lãi và xin miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T do bà Nga đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông L do bà H đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Phản tranh luận: các đương sự không tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của ông L đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn ông L kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền gốc vay 60.000.000đồng, xin không trả lãi. Xét thấy, ông T trình bày ngày 26/01/2017 cho ông L vay 60.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Tuy nhiên theo “Biên nhận” ngày 26/01/2017 do ông T cung cấp thể hiện thời hạn vay là 11 tháng (từ ngày 06/1/2017 đến ngày 26/12/2017) chứ không phải 01 tháng (từ ngày 06/1/2017 đến ngày 26/02/2017) như ông T trình bày và hai bên không thỏa thuận mức lãi suất. Như vậy, ông L chỉ vi phạm nghĩa vụ trả lãi tính từ ngày 26/12/2017 đến ngày 26/4/2021 là 40 tháng nên yêu cầu của ông T về thời gian tính lãi chỉ có cơ sở chấp nhận là 40 tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu lãi suất với mức 0,83%/tháng là không vượt quá quy định theo Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với quy định của pháp luật. Số tiền lãi phát sinh trên số tiền vay 60.000.000đồng được tính như sau: $60.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 40\text{tháng} = 19.920.000\text{đồng}$. Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2017 đến ngày 26/4/2021 (50 tháng) với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền lãi là 20.750.000đồng là không đúng, không phù hợp với thỏa thuận tại Biên nhận vay tiền do ông T cung cấp. Ngoài ra, ông L xin được miễn án phí (Đơn xin xác nhận ngày 31/5/2021 – BL 67). Ông L sinh năm 1960, thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Ngọc L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Võ Ngọc L đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Lợi đồng ý trả cho ông T số tiền gốc đã vay là 60.000.000đồng và đề nghị không trả tiền lãi cho ông T. Xét thấy:

[2.1] Giấy biên nhận ngày 26/01/2017 thể hiện ông L vay của ông T 60.000.000đồng và hạn đến ngày 26/12/2017 hoàn trả. Trong biên nhận này các bên không thỏa thuận về việc trả tiền lãi và mức lãi suất. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu trả tiền lãi của ông T đối với số tiền gốc vay 60.000.000đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng được tính kể từ khi đến hạn trả nợ là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 26/01/2017 đến ngày 26/02/2017). Tuy nhiên, trong biên nhận ghi ngày 26/01/2017 (bút lục 49) ghi rõ thời gian mượn tiền kể từ ngày 26/01/2017 đến ngày 26/12/2017 tức là 11 tháng, chứ không phải 01 tháng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn và án sơ thẩm đã nhận định. Như vậy, thời gian ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi là kể từ ngày 27/12/2017. Do đó, tiền lãi được tính từ ngày 27/12/2017 đến ngày 27/4/2021 là 40tháng (không phải 50tháng như bản án sơ thẩm). Tiền lãi được tính như sau: $60.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 40tháng = 19.920.000đ$ đồng.

[2.2] Ông L kháng cáo xin không trả tiền lãi với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hết tuổi lao động có xác nhận của chính quyền địa phương, tuy nhiên Luật không quy định đây là tình tiết được miễn trả tiền lãi và yêu cầu xin không trả tiền lãi của ông L không được người đại diện theo ủy quyền của ông T đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L về việc không trả tiền lãi. Do đó, buộc ông L phải trả cho ông T 19.920.000đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi ông L phải trả cho ông T là: 60.000.000đồng + 19.920.000đồng = 79.920.000đồng.

[3] Về án phí: Ông Võ Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông L kháng cáo xin miễn án phí và có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn và hết tuổi lao động (có xác nhận của chính quyền địa phương). Xét thấy, ông L sinh năm 1960 thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Võ Ngọc L thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó, ông Võ Ngọc L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Ngọc L; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Ngọc L;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, khoản 1 Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 357, 429, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Thanh đối với ông Võ Ngọc L về việc tranh chấp hợp đồng vay.

2. Buộc ông Võ Ngọc L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền gốc vay là 60.000.000đồng và 19.920.000đồng tiền lãi; tổng cộng là 79.920.000đồng (bảy mươi chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Ông Võ Ngọc L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4.1. Hoàn trả cho ông Võ Ngọc L 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu số 0003831 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

4.2. Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.265.000đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003604 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh - Huỳnh Thị Hồng Vân

Trịnh Thị Phúc

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh - Huỳnh Thị Hồng Vân

Trịnh Thị Phúc

